



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2018



CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 29

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Bà Nguyễn Tiểu Mai	Chủ tịch
Bà Ngô Thu Mật	Ủy viên
Bà Điền Dục Thanh	Ủy viên
Bà Nguyễn Chính Chi	Ủy viên
Bà Lý Tiên Lệ	Ủy viên
Ông Phạm Ngọc Nam	Ủy viên
Ông Nguyễn Khởi Phát	Ủy viên
Bà Đào Ngọc Hoa	Ủy viên
Ông Lê Quốc Thắng	Ủy viên

Ban Giám đốc

Ông Đỗ Trí Vỹ	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Ngọc Nam	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Linh Chi	Kế toán trưởng

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA

Phường Bãi Cháy, TP. Hạ Long
Tỉnh Quảng Ninh, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Số: ~~789~~ /VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 26 tháng 3 năm 2019, từ trang 06 đến trang 29, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Huy Công

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0891-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Tào Hải Nhân

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 1576-2018-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: USD

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		8.230.158	6.307.443
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	5.039.028	4.093.028
1. Tiền	111		4.205.483	1.870.946
2. Các khoản tương đương tiền	112		833.545	2.222.082
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.352.509	1.820.986
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.961.471	1.480.434
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	359.271	330.711
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		43.767	9.841
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(12.000)	-
III. Hàng tồn kho	140	8	829.257	388.752
1. Hàng tồn kho	141		829.257	400.213
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(11.461)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.364	4.677
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.364	4.677
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		41.667.667	43.369.072
I. Tài sản cố định	220		36.995.539	39.444.729
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	36.452.486	38.658.395
- Nguyên giá	222		53.788.167	53.470.245
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17.335.681)	(14.811.850)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	543.053	786.334
- Nguyên giá	228		4.480.882	4.480.882
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.937.829)	(3.694.548)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.860.937	3.003.379
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	3.860.937	3.003.379
III. Đầu tư tài chính dài hạn	250		419.411	419.411
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5	419.411	419.411
IV. Tài sản dài hạn khác	260		391.780	501.553
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		196.435	233.111
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.400	18.018
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		192.945	250.424
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		49.897.825	49.676.515

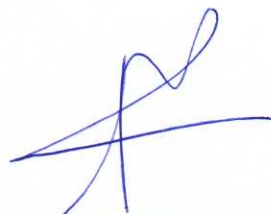
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: USD

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		8.672.550	9.205.421
I. Nợ ngắn hạn	310		7.202.490	5.822.137
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	483.969	613.723
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	21.026	1.152.848
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	2.064.977	340.689
4. Phải trả người lao động	314		495.063	394.954
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		14.374	14.662
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	15	1.056.538	676.059
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	16	3.066.543	2.629.202
II. Nợ dài hạn	330		1.470.060	3.383.284
1. Phải trả dài hạn khác	337	15	1.145.533	2.645.533
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	17	324.527	647.659
3. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	90.092
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		41.225.275	40.471.094
I. Vốn chủ sở hữu	410	18	41.225.275	40.471.094
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		42.309.870	42.309.870
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		42.309.870	42.309.870
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		5.027.169	5.027.169
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		649.326	649.326
4. (Lỗ) lũy kế	421		(6.761.090)	(7.515.271)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(7.516.771)	(1.669.729)
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (Lỗ) năm nay	421b		755.681	(5.845.542)
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		49.897.825	49.676.515



Cao Thị Huyền
 Người lập biểu



Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: USD	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		12.521.015	8.566.584
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		12.521.015	8.566.584
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11		9.445.121	10.875.898
5. Lợi nhuận/(Lỗ) gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		3.075.894	(2.309.314)
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	21	280.754	216.770
7. Chi phí tài chính	22	22	339.999	594.086
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		280.551	543.497
8. Chi phí bán hàng	25	23	952.513	1.055.441
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	23	1.929.596	2.339.235
10. Lợi nhuận/(Lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20+(21-22)-(25+26))	30		134.540	(6.081.306)
11. Thu nhập khác	31	24	800.797	448.436
12. Chi phí khác	32		164.038	160.638
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		636.759	287.798
14. Tổng lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế (50=30+40)	50		771.299	(5.793.508)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	25	-	43.891
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	25	15.618	8.143
17. Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		755.681	(5.845.542)
18. Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	26	0,011	(0,083)



Cao Thị Huyền
 Người lập biểu



Nguyễn Linh Chi
 Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vũ
 Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

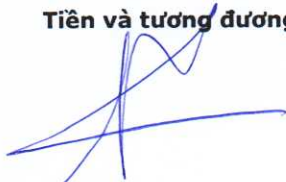
Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị: USD

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận/(Lỗ) trước thuế	01	771.299	(5.793.508)
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	2.776.402	2.754.649
Các khoản dự phòng	03	(78.092)	(64.041)
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	48.323	4.672
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.875)	44.082
Chi phí lãi vay	06	280.551	543.497
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	3.794.608	(2.510.649)
Thay đổi các khoản phải thu	09	(522.901)	9.386.971
Thay đổi hàng tồn kho	10	(323.102)	248.875
Thay đổi các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(478.174)	(1.961.411)
Thay đổi chi phí trả trước	12	57.022	157.692
Tiền lãi vay đã trả	14	(280.529)	(548.094)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	-	(43.891)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.246.924	4.729.493
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.439.513)	(565.281)
2. Tiền thu từ bồi thường, thanh lý TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	9.077
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.439.513)	(556.204)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.473.066	5.990.701
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.300.210)	(9.287.569)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	172.856	(3.296.868)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	980.267	876.421
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.093.028	3.213.943
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(34.267)	2.664
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	5.039.028	4.093.028



Cao Thị Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Ngày 26 tháng 3 năm 2019

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần được chuyển đổi hình thức hoạt động từ công ty liên doanh nước ngoài theo Nghị định số 38/2003/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2003 về việc chuyển đổi một số doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sang hoạt động theo hình thức công ty cổ phần và Thông tư liên tịch số 08/TTLT-BKH-BTC của Bộ Kế hoạch - Đầu tư và Bộ Tài chính ngày 29 tháng 12 năm 2003 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 38/2003/NĐ-CP. Ngày 15 tháng 6 năm 2005, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP cho phép Công ty Liên doanh TNHH Quốc tế Hoàng Gia chuyển thành Công ty Cổ phần Quốc tế Hoàng Gia với mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần như sau:

- Mệnh giá cổ phần: 01 Đô la Mỹ/cổ phần
- Vốn điều lệ: 21.000.000 Đô la Mỹ
- Tổng số lượng cổ phần: 21.000.000 cổ phần.

Ngày 14 tháng 3 năm 2006, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã cấp Giấy phép đầu tư sửa đổi số 953 CPH/GPĐC1 chấp thuận việc chuyển đổi đồng tiền ghi mệnh giá cổ phần của Công ty. Theo đó, mệnh giá cổ phần, vốn điều lệ và tổng số lượng cổ phần của Công ty là:

- Mệnh giá cổ phần: 10.000 VND/cổ phần
- Vốn điều lệ: 332.136.000.000 VND
- Tổng số lượng cổ phần: 33.213.600 cổ phần.

Công ty đã thực hiện các lần tăng vốn điều lệ và vốn đầu tư qua các năm. Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi gần nhất số 544.2194.665 do Ủy ban Nhân dân tỉnh Quảng Ninh cấp ngày 17 tháng 7 năm 2018, vốn đầu tư của Công ty là 67.000.000 USD tương đương 1.171.473.560.000 VND và vốn điều lệ là 42.309.869,89 USD tương đương 703.687.540.000 VND.

Chủ sở hữu (Công ty mẹ) của Công ty là Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp (thành lập tại George Town, Đảo Grand Cayman, Quần đảo Cayman).

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 1.315 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.425 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Công ty hoạt động trong ngành kinh doanh khách sạn và duy trì một khu biệt lập trong viên dự án để kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng và casino.

Hoạt động chính của Công ty là xây dựng và kinh doanh một khu khách sạn đạt tiêu chuẩn năm sao, kinh doanh trò chơi có thưởng dành riêng cho người nước ngoài cùng các hoạt động vui chơi giải trí tại phường Bãi Cháy, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra, Công ty được phép làm Đại lý đối ngoại tệ theo Giấy chứng nhận số 1060/NHNN-QNN1 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh cấp ngày 28 tháng 11 năm 2008.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 với một số số liệu được phân loại lại.

Riêng đối với các khoản phải thu từ hoạt động kinh doanh trò chơi có thưởng của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia, dự phòng phải thu khó đòi được trích lập dựa trên số dư trừ phần đặt cọc và tính theo tuổi nợ như sau:

<u>Thời gian nợ (tháng)</u>	<u>Tỷ lệ dự phòng (%)</u>
0 - 1	3
1 - 2	6,25
2 - 3	12,50
3 - 4	25
4 - 5	50
5 - 6	75
Trên 6 tháng	100

Chính sách tín dụng đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia

Ngày 01 tháng 01 năm 2010, Hội đồng Quản trị Công ty đã ban hành chính sách tín dụng sửa đổi đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia. Theo đó, tổng hạn mức tín dụng cho khách chơi không vượt quá 9 triệu USD. Các khoản nợ từ 1,5 triệu USD trở lên phải có tài sản đảm bảo ít nhất là 50% giá trị khoản nợ, thời hạn cho nợ tối đa là 1 năm đối với các khoản nợ có tài sản đảm bảo và tối đa là 6 tháng đối với các khoản nợ không có tài sản đảm bảo. Khách hàng được cho nợ dưới dạng chip để chơi tại Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia và được hoàn trả bằng chip hoặc bằng tiền.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và các chi phí khác có liên quan để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định như sau:

Loại hàng tồn kho

Hàng ăn
 Hàng giải khát
 Hàng lưu niệm, mỹ nghệ
 Vật tư khác

Phương pháp tính giá

Nhập trước - Xuất trước
 Bình quân gia quyền
 Giá đích danh
 Nhập trước - Xuất trước

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Năm nay</u> <u>(Số năm)</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	35
Máy móc, thiết bị	10
Thiết bị văn phòng	5 - 10
Phương tiện vận tải	8
Tài sản cố định khác	5

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất thể hiện giá trị quyền sử dụng 6,5 ha đất tại phường Bãi Cháy - TP. Hạ Long trong thời gian của Giấy phép đầu tư là 26 năm và 7 tháng bắt đầu từ ngày 13 tháng 8 năm 1994. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất.

Các phần mềm máy tính được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 5 - 10 năm kể từ ngày bắt đầu sử dụng.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng trong nhiều năm kinh doanh. Các chi phí này được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2-3 năm theo các quy định hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu từ hoạt động trò chơi có thưởng

Doanh thu đối với hoạt động của Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia được xác định theo ngày đối với hoạt động chơi bài tại bàn chơi và mười ngày một lần đối với hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng, cụ thể:

- Doanh thu hoạt động chơi bài tại bàn chơi được ghi nhận trên cơ sở số chênh lệch giữa số chip cuối ca trừ số chip đầu ca tại từng bàn chơi cộng (+) số chip chuyển từ bàn chơi vào quầy trừ (-) số chip chuyển từ quầy ra bàn chơi. Kết quả này không phụ thuộc vào việc đã thu được tiền hay chưa.
- Doanh thu hoạt động kinh doanh bằng máy nạp xèng bằng số tiền thu được do đổi cho khách tại quầy thu ngân trước khi chơi trừ đi số tiền trả lại cho khách.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ tính thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm	Số đầu năm (Phân loại lại)
	USD	USD
Tiền mặt	2.071.915	1.187.591
Tiền gửi ngân hàng	2.133.568	683.355
Các khoản tương đương tiền (*)	833.545	2.222.082
	5.039.028	4.093.028

(*) Số dư các khoản tương đương tiền cuối năm phản ánh các khoản tiền gửi bằng VND kỳ hạn 1 tháng và 3 tháng tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất 4,5% - 5,0%/năm.

5. ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	USD			USD		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia	419.411	-	419.411	419.411	-	419.411
	419.411	-	419.411	419.411	-	419.411

Giá trị vốn góp tương ứng với 2,25% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Hoàng Gia. Công ty đã đánh giá giá trị khoản đầu tư này và xác định không cần phải trích lập dự phòng do không có sự giảm giá.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Đại lý Long Bay	1.107.636	559.316
Khách đoàn Long Bay	260.832	50.755
Ông Liu Chung Chi	200.000	-
Công ty TNHH Phát triển du lịch Chúng Phát	139.086	11.721
Ông Fu Yu Shing	100.000	-
Ông Tang Yu Hua	100.000	-
Đại lý Ta Yang Chen	-	788.322
Đại lý Chúng Phát	-	16.803
Các khoản phải thu khách hàng khác	53.917	53.517
	1.961.471	1.480.434

7. TRẢ TRƯỚC NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Công ty TNHH Tư vấn Xây dựng và Đầu tư CPI	61.661	-
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	57.631	-
Công ty TNHH Vật liệu xây dựng Gia Huy	53.686	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thiên Phúc	47.401	47.401
Công ty TNHH Trang trí nội thất Webort	37.688	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Pentens	32.970	-
Công ty TNHH Dự Thành	22.153	114.927
Công ty Cổ phần Việt Chèo	-	51.449
Công ty Cổ phần Thương mại và Kỹ thuật Đông A	-	51.826
Khác	46.081	65.108
	359.271	330.711

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>USD</u>		<u>USD</u>	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	656.252	-	204.583	-
Hàng hóa	173.005	-	195.630	(11.461)
	829.257	-	400.213	(11.461)

Trong năm, Công ty đã ghi giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 11.461 USD (năm 2017: 23.325 USD) do số hàng tồn kho được trích lập dự phòng năm trước đã được Công ty thanh lý toàn bộ trong năm nay.

9. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản cố định khác	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ						
Số dư đầu năm	38.291.516	11.673.910	1.179.999	845.428	1.479.392	53.470.245
Tăng do mua sắm	59.252	58.014	-	-	3.399	120.665
Tăng từ XDCB hoàn thành	216.117	-	-	-	5.913	222.030
Thanh lý trong năm	-	-	(24.773)	-	-	(24.773)
Số dư cuối năm	38.566.885	11.731.924	1.155.226	845.428	1.488.704	53.788.167
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư đầu năm	6.119.445	6.425.011	573.807	580.425	1.113.162	14.811.850
Khấu hao trong năm	895.637	1.097.520	124.866	149.631	265.467	2.533.121
Thanh lý trong năm	-	-	(9.290)	-	-	(9.290)
Số dư cuối năm	7.015.082	7.522.531	689.383	730.056	1.378.629	17.335.681
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Số dư cuối năm	31.551.803	4.209.393	465.843	115.372	110.075	36.452.486
Số dư đầu năm	32.172.071	5.248.899	606.192	265.003	366.230	38.658.395

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 17, Công ty đã thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc, thiết bị và phương tiện vận tải với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 là 35.848.806 USD (31 tháng 12 năm 2017: 35.766.929 USD) để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Trong số tài sản cố định hữu hình có một số tài sản tạm thời dừng sửa chữa với giá trị còn lại là 147.137 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 438.485 USD).

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 2.008.006 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 1.569.544 USD).

10. TĂNG/GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm kế toán	Tổng
	USD	USD	USD
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	4.394.268	86.614	4.480.882
Số dư cuối năm	4.394.268	86.614	4.480.882
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	3.621.388	73.160	3.694.548
Khấu hao trong năm	237.809	5.472	243.281
Số dư cuối năm	3.859.197	78.632	3.937.829
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối năm	535.071	7.982	543.053
Số dư đầu năm	772.880	13.454	786.334

Như trình bày tại Thuyết minh số 16 và 17, Công ty đã thế chấp toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân.

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 61.715 USD (ngày 31 tháng 12 năm 2017: 61.715 USD).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động trong năm:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Số đầu năm	3.003.379	2.417.788
Tăng trong năm	1.164.545	766.713
Kết chuyển sang tài sản cố định	(222.030)	-
Giảm khác	(84.957)	(181.122)
Số cuối năm	3.860.937	3.003.379

Chi tiết số dư:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn		
- Khách sạn và biệt thự Hoàng Gia	1.106.514	886.495
+ <i>Mua sắm tài sản cố định</i>	138.544	104.654
+ <i>Sửa chữa lớn biệt thự</i>	706.237	544.003
+ <i>Dự án mới</i>	261.733	237.838
- Câu lạc bộ	197.791	128.192
- Nhà đa năng	2.556.632	1.988.692
	3.860.937	3.003.379

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>	<u>USD</u>
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng trả nợ</u>
Công ty TNHH Dự Thành	86.826	86.826	82.605	82.605
Công ty CP Thương mại và Dịch vụ THC Hà Nội	37.669	37.669	-	-
Công ty TNHH Thương mại & Dịch vụ Đính Nga	17.286	17.286	14.442	14.442
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & An toàn Đông Đô	394	394	90.126	90.126
Công ty TNHH Thiết kế và Xây dựng Pacific Links	-	-	56.153	56.153
Phải trả cho các đối tượng khác	341.794	341.794	370.397	370.397
Cộng	483.969	483.969	613.723	613.723

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (i)	-	1.133.893
Khác	21.026	18.955
	21.026	1.152.848

(i) Số dư đầu năm phản ánh giá trị nhận ứng trước cho hợp đồng thuê nhà đa năng từ Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh ("Diệu Doanh"). Ngày 28 tháng 12 năm 2018, Công ty và Diệu Doanh đã ký thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng, theo đó Công ty ghi giảm khoản người mua trả tiền trước, đồng thời ghi tăng khoản phải trả khác Diệu Doanh và khoản thu nhập khác từ bồi thường hợp đồng theo thỏa thuận thanh lý này (xem thêm tại Thuyết minh số 15 và Thuyết minh số 24).

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Số cuối năm
	USD	trong năm	trong năm	USD
		USD	USD	
Thuế giá trị gia tăng	132.390	1.097.600	700.672	529.318
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	33.042	33.042	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	181.262	2.749.172	1.561.839	1.368.595
Thuế nhập khẩu	-	57.995	57.995	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	27.037	178.614	162.310	43.341
Thuế khác	-	161.800	38.077	123.723
Cộng	340.689	4.278.223	2.553.935	2.064.977

15. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
a) Ngắn hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	20.203	152
- Công ty TNHH Phát triển du lịch Chúng Phát	20.203	-
- Đại lý Kim Long	-	152
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.036.335	675.907
+ Phải trả Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (i)	730.231	-
+ Chip trôi nổi (ii)	121.022	306.144
+ Bảo hành xây dựng	108.348	114.764
+ Điều chỉnh nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (iii)	-	166.041
+ Tiền phải trả về đền bù cho hộ dân	6.478	6.618
+ Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	(354)	1.047
+ Khác	70.610	81.293
Cộng	1.056.538	676.059
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.145.533	2.645.533
- Đại lý Long Bay	1.145.533	1.145.533
- Đại lý Đại Dương Thành	-	1.500.000
Cộng	1.145.533	2.645.533

- (i) Phản ánh khoản phải trả Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh theo biên bản thanh lý hợp đồng thuê nhà đa năng ngày 28 tháng 12 năm 2018 (xem thêm tại Thuyết minh số 13).
- (ii) Số dư đầu năm bao gồm 101.636 USD là giá trị chip khách cầm từ các năm trước nhưng qua kiểm kê từ năm 2015 đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2018 số chip này không được sử dụng tại các bàn chơi và cũng không quay lại Công ty. Trong năm, Công ty đã thực hiện ghi giảm giá trị chip trôi nổi và tăng doanh thu với giá trị tương ứng theo Quyết định của Tổng Giám đốc số HG18060101/QĐ-HG ngày 30 tháng 6 năm 2018.
- (iii) Số dư đầu năm thể hiện khoản thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế giá trị gia tăng đã kê khai liên quan đến hoạt động Casino trong năm 2015 và 2016 và được Công ty kê khai điều chỉnh vào năm 2017. Tháng 5 năm 2018, Công ty đã được chấp nhận điều chỉnh giảm nghĩa vụ thuế này theo biên bản làm việc của Cục Thuế tỉnh Quảng Ninh ngày 08 tháng 5 năm 2018. Theo đó, Công ty đã kết chuyển toàn bộ giá trị trên vào chi tiêu "Thu nhập khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2018.

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUỐC TẾ HOÀNG GIA
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

MẪU SỐ B 09-DN

16. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm USD		Trong năm USD		Số cuối năm USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	2.333.405	2.333.405	4.153.927	4.332.739	2.154.593	2.154.593
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long (ii)	-	-	1.277.874	642.203	635.671	635.671
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17)	295.797	295.797	289.263	308.781	276.279	276.279
	2.629.202	2.629.202	5.721.064	5.283.723	3.066.543	3.066.543

(i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 50 tỷ VND tương đương 2,16 triệu USD (tỷ giá 23.165 VND/USD) và đáo hạn vào ngày 31 tháng 12 năm 2019. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Khoản vay này cùng với khoản vay dài hạn tại Thuyết minh số 17 được thế chấp bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất của Công ty.

(ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long bằng VND với hạn mức tín dụng của hợp đồng này là 15 tỷ VND tương đương 648 ngàn USD (tỷ giá 23.165 VND/USD) và hết hiệu lực hạn mức vào ngày 05 tháng 9 năm 2019. Khoản vay này có lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long cho từng thời kỳ. Lãi vay được trả hàng tháng. Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 thể hiện các khoản giải ngân trong năm và sẽ được trả nợ trong vòng 06 tháng kể từ ngày giải ngân. Khoản vay này được thế chấp bằng hệ thống máy móc, thiết bị phân phối điện.

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm USD		Trong năm USD		Số cuối năm USD	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân (i)	613.790	613.790	-	289.263	324.527	324.527
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hạ Long	33.869	33.869	-	33.869	-	-
	647.659	647.659	-	323.132	324.527	324.527

(i) Tại ngày 18 tháng 12 năm 2008, Công ty ký Hợp đồng vay dài hạn số 01/2008/Sheraton với Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân để xây dựng đầu tư khách sạn Hoàng Gia Hạ Long và Hợp đồng này được gia hạn và sửa đổi vào ngày 08 tháng 01 năm 2013 tại văn bản sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 07/PL. Sheraton; tổng hạn mức cho vay là 170 tỷ VND tương đương 7,34 triệu USD (tỷ giá 23.165 VND/USD). Thời hạn cho vay là 96 tháng kể từ ngày rút vốn đầu tiên là ngày 03 tháng 01 năm 2013 với khoản cho vay bổ sung, thời gian ân hạn là 3 tháng, thời gian trả nợ là 93 tháng. Khoản vay bổ sung được trả trong 31 kỳ 3 tháng, kỳ trả nợ đầu tiên được ấn định sau khi hết thời gian ân hạn. Khoản vay chịu lãi suất được điều chỉnh theo thông báo của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thanh Xuân cho từng thời kỳ và được trả hàng quý. Khoản vay này được đảm bảo bằng toàn bộ giá trị quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay này.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	USD	USD
Trong vòng một năm	276.279	295.797
Trong năm thứ hai	276.279	295.797
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	48.248	351.862
	600.806	943.456
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày tại Thuyết minh số 16)	(276.279)	(295.797)
Số phải trả sau 12 tháng	324.527	647.659

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	(Lỗ) lũy kế	Tổng
	USD	USD	USD	USD	USD
Số dư đầu năm trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(1.668.229)	46.318.136
(Lỗ) trong năm	-	-	-	(5.845.542)	(5.845.542)
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Số dư cuối năm trước	42.309.870	5.027.169	649.326	(7.515.271)	40.471.094
Số dư đầu năm nay	42.309.870	5.027.169	649.326	(7.515.271)	40.471.094
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	755.681	755.681
Thù lao Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.500)	(1.500)
Số dư cuối năm nay	42.309.870	5.027.169	649.326	(6.761.090)	41.225.275

Số cổ phiếu đang lưu hành

	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Cổ phiếu được duyệt	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu đang lưu hành	70.368.754	70.368.754
Cổ phiếu phổ thông	70.368.754	70.368.754

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành là 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi, vốn đầu tư và vốn điều lệ của Công ty lần lượt là 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND (tương đương 67.000.000 USD và 42.309.869,89 USD) (31 tháng 12 năm 2017: 1.171.473.560.000 VND và 703.687.540.000 VND). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

Cổ đông	Theo Giấy chứng nhận đầu tư sửa đổi	Vốn đã góp					
		Số cuối năm				Số đầu năm	
		'000 VND	USD	'000 VND quy đổi	%	USD	'000 VND quy đổi
Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp	369.386.320	22.219.546	369.386.320	52,49	22.219.546	369.386.320	52
Bà Ngô Thu Mật	22.619.800	1.374.987	22.619.800	3,21	-	-	-
Ông Nguyễn Khởi Phát	18.880.920	1.149.924	18.880.920	2,68	-	-	-
Bà Nguyễn Tiểu Mai	17.709.550	1.069.089	17.709.550	2,52	-	-	-
Ông Nguyễn Chính Nghĩa	-	-	-	-	2.875.859	47.219.530	7
Các nhà đầu tư khác	275.090.950	16.496.324	275.090.950	39,10	17.214.465	287.081.690	41
Cộng	703.687.540	42.309.870	703.687.540	100	42.309.870	703.687.540	100

19. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH

Công ty thực hiện phân cấp quản lý theo hạng mục kinh doanh. Công ty bao gồm 02 bộ phận kinh doanh là Câu lạc bộ và Khách sạn - Biệt thự với hoạt động chính như sau:

- Câu lạc bộ Quốc tế Hoàng Gia:

Kinh doanh trò chơi có thưởng - đây là hoạt động mang tính chất thời vụ, không ổn định. Doanh thu phát sinh phụ thuộc vào số lượng các đoàn khách đến chơi và kết quả chơi của khách.

- Khách sạn - biệt thự Hoàng Gia:

Cho thuê phòng khách sạn, biệt thự, dịch vụ ăn uống và các dịch vụ liên quan khác.

Các thông tin về hoạt động kinh doanh theo bộ phận của Công ty như sau:

Năm nay	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
	1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	7.743.406	4.777.609	-
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	955.266	1.952.102	-	2.907.368
3. Lợi nhuận/(Lỗ) từ hoạt động kinh doanh	656.900	(522.360)	-	134.540
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	221.580	313.642	-	535.222
5. Tài sản bộ phận	11.111.038	33.029.616	(11.799.605)	32.341.049
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	17.556.776
Tổng tài sản	11.111.038	33.029.616	(11.799.605)	49.897.825
7. Nợ phải trả bộ phận	16.393.857	2.558.418	(11.799.605)	7.152.670
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.519.880
Tổng Nợ phải trả	16.393.857	2.558.418	(11.799.605)	8.672.550
Năm trước				
	Câu lạc bộ	Khách sạn và Biệt thự Hoàng Gia	Bù trừ	Tổng cộng
	USD	USD	USD	USD
1. Doanh thu thuần từ bán hàng hóa và dịch vụ ra bên ngoài	2.988.502	5.578.082	-	8.566.584
2. Khấu hao và chi phí phân bổ	940.422	1.846.754	-	2.787.176
3. Lỗ từ hoạt động kinh doanh	(5.201.424)	(879.882)	-	(6.081.306)
4. Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình và tài sản dài hạn khác tăng trong năm	191.459	38.829	-	230.288
5. Tài sản bộ phận	10.843.500	33.699.514	(12.695.162)	31.847.852
6. Tài sản không phân bổ	-	-	-	17.828.663
Tổng tài sản	10.843.500	33.699.514	(12.695.162)	49.676.515
7. Nợ phải trả bộ phận	17.138.662	2.971.654	(12.695.162)	7.415.154
8. Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	1.790.267
Tổng Nợ phải trả	17.138.662	2.971.654	(12.695.162)	9.205.421

20. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	USD	USD
Chi phí thực phẩm và đồ uống	569.916	642.384
Chi phí nhân công	6.785.179	7.887.743
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.776.402	2.754.649
Chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí phân bổ và chi phí khác	2.195.733	2.985.798
	12.327.230	14.270.574

21. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>USD</u>	<u>Năm trước</u> <u>USD</u>
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	62.640	47.877
Lãi chênh lệch tỷ giá	95.554	57.152
Doanh thu hoạt động tài chính khác	122.560	111.741
	<u>280.754</u>	<u>216.770</u>

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u> <u>USD</u>	<u>Năm trước</u> <u>USD</u>
Chi phí lãi vay	280.551	543.497
Lỗ chênh lệch tỷ giá	59.448	50.589
	<u>339.999</u>	<u>594.086</u>

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	<u>Năm nay</u> <u>USD</u>	<u>Năm trước</u> <u>USD</u>
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	627.853	689.727
Chi phí dụng cụ sản xuất	18.313	27.555
Chi phí khấu hao TSCĐ	52.320	52.152
Chi phí dịch vụ mua ngoài	47.223	51.152
Các chi phí bằng tiền khác	206.804	234.855
	<u>952.513</u>	<u>1.055.441</u>
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	1.427.835	1.585.993
Chi phí dụng cụ sản xuất	35.357	51.649
Chi phí khấu hao TSCĐ	55.002	50.151
Chi phí dịch vụ mua ngoài	142.615	252.315
Các chi phí bằng tiền khác	358.879	405.396
Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Hoàn nhập dự phòng trợ cấp thôi việc	(90.092)	-
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	(6.269)
	<u>1.929.596</u>	<u>2.339.235</u>

24. THU NHẬP KHÁC

	<u>Năm nay</u> <u>USD</u>	<u>Năm trước</u> <u>USD</u>
Thu nhập từ phí phục vụ không chi hết của năm 2016 và 2017	-	350.753
Thu nhập từ bồi thường vi phạm hợp đồng (i)	407.893	-
Thu nhập từ nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (ii)	166.041	-
Ghi giảm các khoản công nợ phải trả (iii)	126.790	-
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	3.875	-
Các khoản thu nhập khác	96.198	97.683
	800.797	448.436

- (i) Phản ánh khoản bồi thường hợp đồng thuê nhà đa năng theo biên bản thanh lý hợp đồng ngày 28 tháng 12 năm 2018 giữa Công ty và Công ty TNHH Quốc tế Diệu Doanh (xem thêm tại Thuyết minh số 13).
- (ii) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 15, tháng 5 năm 2018, Công ty đã được Cục thuế tỉnh Quảng Ninh chấp nhận điều chỉnh giảm nghĩa vụ thuế liên quan đến khoản thuế tiêu thụ đặc biệt và thuế giá trị gia tăng đã kê khai liên quan đến hoạt động Casino trong năm 2015 và 2016. Theo đó, Công ty đã ghi nhận giá trị này vào chỉ tiêu "Thu nhập khác" trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.
- (iii) Thể hiện giá trị các khoản phải trả người bán, phải trả tiền bảo hành được ghi giảm theo Quyết định của Tổng Giám đốc ngày 30 tháng 6 năm 2018 do công nợ tồn đọng lâu năm và các nhà cung cấp đã ngừng hoạt động.

25. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất phổ thông được hướng dẫn tại các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo 20% trên thu nhập chịu thuế.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm chi tiết như sau:

112
 NG
 NHIỆM
 LO
 ỆT
 ĐA
 11
 TY
 H
 T
 G
 T.

	<u>Năm nay</u> USD	<u>Năm trước</u> USD
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận/(Lỗ) kế toán trước thuế	771.299	(5.793.508)
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế và điều chỉnh khác</i>	192.884	266.238
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	181.341	80.099
<i>Cộng: Giá trị chip trôi nổi cuối năm</i>	81.496	-
<i>Chuyển lỗ</i>	841.252	-
Thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	(5.979.647)
<i>Thu nhập chịu thuế suất thông thường</i>	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-
Chi phí thuế TNDN nộp thêm từ các năm trước	-	43.891
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15.618	8.143
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	15.618	8.143

26. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận/(Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp (USD)	755.681	(5.845.542)
Lợi nhuận/(Lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (USD)	755.681	(5.845.542)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	70.368.754	70.368.754
Lãi/(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (USD)	0,011	(0,083)

27. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
VND	5.215.686.869	65.115.625.295
KRW	1.200.000	1.080.000
JMP	50.641	147.951
THB	-	16.320
NTD	-	2.000
HKD	5.000	1.950
JPY	-	80.000
SGD	50	-

28. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết như sau:

Cam kết đầu tư

Ngày 21 tháng 4 năm 2015, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tăng tổng mức đầu tư cho nhà hàng đa năng lên mức khoảng 200 tỷ VND (tương đương 9,5 triệu USD theo tỷ giá tạm tính 21.000 VND/USD). Nhà đa năng đã được đầu tư từ ngày 10 tháng 4 năm 2015. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, giá trị đã đầu tư là 2.556.632 USD và tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty đã ký nhưng chưa thực hiện là 704.606 USD.

Ngày 25 tháng 6 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã thông qua việc tăng vốn đầu tư từ 67 triệu USD lên 120 triệu USD theo Nghị quyết số 2017/NQ-HĐCĐTN để phục vụ nhu cầu sửa chữa khu biệt thự và kế hoạch đầu tư xây dựng mở rộng kinh doanh của Công ty trong tương lai.

Cam kết mua sắm xây dựng tài sản cố định

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2018, tổng giá trị các hợp đồng xây dựng và lắp đặt, mua thiết bị cho Công ty (không bao gồm giá trị hợp đồng liên quan đến nhà hàng đa năng) đã ký nhưng chưa thực hiện là 1.225.695 USD (31 tháng 12 năm 2017: 1.108.936 USD).

Cam kết trả tiền thuê đất

Theo Giấy phép đầu tư số 953 CPH/GP ngày 15 tháng 6 năm 2005 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp tiền thuê đất cho Nhà nước Việt Nam từ tháng thứ 8 của năm thứ 27 kể từ ngày cấp Giấy phép đầu tư lần đầu vào ngày 13 tháng 8 năm 1994. Giá tiền thuê được xác định theo thời giá tại thời điểm thực hiện thuê.

29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Khải Tiệp
Bà Nguyễn Tiểu Mai

Mối quan hệ

Công ty mẹ
Thành viên Hội đồng Quản trị

Thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	<u>USD</u>	<u>USD</u>
Thu nhập của Ban Giám đốc	76.043	73.608


30. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 353.158 USD (năm 2017: 473.265 USD) là số tiền dùng để mua thêm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán và đã bao gồm số tiền 353.584 USD (năm 2017: 319.388 USD) trả trước cho nhà cung cấp để mua tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần thay đổi các khoản phải trả, các khoản phải thu tương ứng.

31. THÔNG TIN SO SÁNH

Một số số liệu của báo cáo tài chính năm trước đã được phân loại lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của năm nay, cụ thể như sau:

Bảng cân đối kế toán	Số đã báo cáo USD	Phân loại lại USD	Số sau phân loại lại USD
Tiền	4.093.028	(2.222.082)	1.870.946
Các khoản tương đương tiền	-	2.222.082	2.222.082



Cao Thị Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Linh Chi
Kế toán trưởng



Đỗ Trí Vỹ
Tổng Giám đốc

Ngày 26 tháng 3 năm 2019

